



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Xét tốt nghiệp tháng 07.2026

(kèm theo quyết định số : 2126/QĐ-ĐHCN, TP.HCM, ngày 15 tháng 07 năm 2026)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCT K_10	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
	Khoa Công nghệ Điện tử											
1	16023791	Trương Duy	Đạt	15/07/1998	Tỉnh Gia Lai	Nam	DHDTMT12A	130	6.20	2.25	Trung bình	
2	16019681	Nguyễn Lê	Quốc	19/01/1998	Tỉnh An Giang	Nam	DHDTMT12A	130	6.60	2.50	Khá	
3	16064541	Tạ Minh	Toàn	18/05/1998	Hung Yên	Nam	DHDTMT12A	130	6.50	2.41	Trung bình	
4	17049501	Phạm Chí	Đạt	20/01/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTMT13A	126	6.80	2.62	Khá	
5	19431551	Đoàn Trung	Kiên	12/11/2001	Thành phố Hải Phòng	Nam	DHDTMT15A	128	6.60	2.45	Trung bình	
6	19434121	Phan Quang	Nhân	16/02/2001	Đồng Tháp	Nam	DHDTMT15A	128	6.80	2.60	Khá	
7	19433741	Lê Ngọc	Thái	15/04/2001	Tỉnh An Giang	Nam	DHDTMT15A	128	6.40	2.35	Trung bình	
8	19500201	Châu Ngọc	Hiếu	01/01/2001	Tỉnh Quảng Nam	Nam	DHDTMT15B	128	6.30	2.26	Trung bình	
9	19477481	Tổng Trường	Long	17/01/2001	Đồng Nai	Nam	DHDTMT15B	128	6.10	2.17	Trung bình	
10	19504011	Nguyễn Trọng	Khang	16/11/2000	Đắk Lắk	Nam	DHDTMT15C	128	6.80	2.56	Khá	
11	20024491	Trần Huy	Băng	06/07/2002	Đồng Nai	Nam	DHDTMT16A	138	6.70	2.57	Khá	
12	20047291	Phan Lê Hữu	Hạnh	16/08/2002	An Giang	Nam	DHDTMT16A	138	6.90	2.64	Khá	
13	20037191	Nguyễn Bình	Minh	20/10/2002	Gia Lai	Nam	DHDTMT16A	138	7.00	2.75	Khá	
14	20036891	Nguyễn Phúc	Thuận	31/07/2002	Đồng Tháp	Nam	DHDTMT16A	138	6.60	2.52	Khá	
15	20097941	Vương Minh	Mẫn	28/02/2002	Quảng Ngãi	Nam	DHDTMT16B	138	6.00	2.14	Trung bình	
16	20075411	Huỳnh Hà Thành	Nhân	24/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTMT16B	138	6.30	2.32	Trung bình	
17	20069711	Phạm Trần Long	Nhật	13/06/2002	Quảng Ngãi	Nam	DHDTMT16B	138	6.40	2.39	Trung bình	
18	20081611	Nguyễn Đình Anh	Quân	08/10/2002	Gia Lai	Nam	DHDTMT16B	138	6.30	2.32	Trung bình	
19	20084591	Bùi Hữu	Thạnh	25/10/2002	Vĩnh Long	Nam	DHDTMT16B	138	7.30	2.92	Khá	
20	20036881	Nguyễn Văn	Nam	30/03/2002	Gia Lai	Nam	DHDTMT16C	138	6.80	2.59	Khá	
21	20116091	Nguyễn Anh	Tuấn	27/04/2002	Lâm Đồng	Nam	DHDTMT16C	138	6.40	2.34	Trung bình	

Handwritten signature

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCT K 10	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
22	21024291	Nguyễn Quốc	Chương	13/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTMT17A	138	6.70	2.54	Khá	
23	21019341	Đỗ Thị	Hiền	19/05/2003	Đồng Nai	Nữ	DHDTMT17A	138	7.20	2.86	Khá	
24	21003451	Phạm Trung	Hiếu	30/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTMT17A	138	6.80	2.62	Khá	
25	21001541	Nguyễn Khải	Hoàn	15/12/2003	Khánh Hòa	Nam	DHDTMT17A	138	7.00	2.72	Khá	
26	21043871	Nguyễn Thành	Luân	18/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTMT17A	138	7.00	2.69	Khá	
27	21004501	Bùi Trọng	Nghĩa	11/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTMT17A	138	7.50	3.01	Khá	
28	21022071	Đặng Hoàng	Phúc	12/03/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTMT17A	138	7.10	2.75	Khá	
29	21045411	Nguyễn Hữu	Sang	10/07/2003	Đắk Lắk	Nam	DHDTMT17A	138	7.50	3.02	Khá	
30	21029381	Nguyễn Mai Đức	Thắng	19/09/2003	Đồng Nai	Nam	DHDTMT17A	138	7.40	2.96	Khá	
31	21013881	Dương Hoàng	Tiến	10/10/2003	Tây Ninh	Nam	DHDTMT17A	138	7.80	3.24	Giỏi	
32	21046881	Lê Minh	Trí	21/12/2003	Gia Lai	Nam	DHDTMT17A	138	7.00	2.79	Khá	
33	21042241	Nguyễn Minh	Trí	23/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTMT17A	138	8.30	3.47	Giỏi	
34	21035921	Trần Ngọc	Trung	13/04/2003	Tây Ninh	Nam	DHDTMT17A	138	6.80	2.63	Khá	
35	21082141	Trịnh Quốc	Cường	29/09/2003	Thanh Hóa	Nam	DHDTMT17ATT	155	7.50	3.07	Khá	
36	21092981	Dương Tấn	Đạt	16/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTMT17ATT	155	7.20	2.86	Khá	
37	21090751	Huỳnh Song Gia	Huy	18/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTMT17ATT	155	6.80	2.64	Khá	
38	21073441	Nguyễn Văn	Khang	21/09/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTMT17ATT	155	6.40	2.36	Trung bình	
39	21092991	Bùi Đăng	Khoa	05/11/2003	An Giang	Nam	DHDTMT17ATT	155	7.20	2.85	Khá	
40	21091221	Vũ Trần Yến	Nhi	12/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHDTMT17ATT	155	6.90	2.68	Khá	
41	21014981	Trương Vĩnh	Thành	24/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTMT17ATT	155	7.20	2.85	Khá	
42	21090701	Nguyễn Phúc	Vĩnh	20/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTMT17ATT	155	7.40	2.93	Khá	
43	21085681	Trần Anh	Vũ	08/06/2003	Đồng Nai	Nam	DHDTMT17ATT	155	7.00	2.73	Khá	
44	21086481	Đặng Tuấn	An	12/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTMT17B	138	7.40	2.99	Khá	
45	21088561	Lê Tuấn	Anh	16/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTMT17B	138	7.90	3.23	Giỏi	
46	21057821	Hoa Tấn	Đức	24/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTMT17B	138	6.90	2.66	Khá	
47	21056421	Tổng Văn	Đức	16/10/2003	Thanh Hóa	Nam	DHDTMT17B	138	6.60	2.43	Trung bình	
48	21093501	Nguyễn Hoàng	Duy	16/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTMT17B	138	6.60	2.49	Trung bình	
49	21081321	Nguyễn Trọng	Hiếu	27/09/2003	Đồng Tháp	Nam	DHDTMT17B	138	8.00	3.31	Giỏi	

Handwritten signature

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCT K 10	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
50	21085261	Đỗ Quang	Huy	20/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTMT17B	138	7.30	2.94	Khá	
51	21077461	Lê Quang	Huy	25/08/2003	Khánh Hòa	Nam	DHDTMT17B	138	7.20	2.83	Khá	
52	21078971	Huỳnh Trọng	Khang	09/05/2003	Vĩnh Long	Nam	DHDTMT17B	138	7.30	2.94	Khá	
53	21061251	Huỳnh Đăng	Khoa	21/12/2003	Tây Ninh	Nam	DHDTMT17B	138	7.40	3.04	Khá	
54	21062441	Phạm Thanh	Lịch	25/11/2003	Đắk Lắk	Nam	DHDTMT17B	138	7.00	2.74	Khá	
55	21083811	Trần Bảo Minh	Long	13/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTMT17B	138	6.70	2.58	Khá	
56	21080391	Nguyễn Văn	Minh	12/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTMT17B	138	7.00	2.72	Khá	
57	21068001	Nguyễn Thành	Nguyên	12/09/2003	Đồng Tháp	Nam	DHDTMT17B	138	6.60	2.44	Trung bình	
58	21078651	Lâm Gia	Phú	26/08/2003	Đồng Tháp	Nam	DHDTMT17B	138	7.90	3.23	Giỏi	
59	21093541	Lê Trung	Phúc	12/11/2003	Thanh Hóa	Nam	DHDTMT17B	138	8.00	3.27	Giỏi	
60	21052521	Hồ Viết Dương	Tài	05/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTMT17B	138	7.30	2.95	Khá	
61	21091381	Trần Thanh	Thảo	24/12/2003	Gia Lai	Nữ	DHDTMT17B	138	8.10	3.31	Giỏi	
62	21092061	Nguyễn Thị Phương	Thùy	06/12/2003	Thành phố Huế	Nữ	DHDTMT17B	138	7.70	3.15	Khá	
63	21102991	Nguyễn Đức	Ân	11/07/2003	Khánh Hòa	Nam	DHDTMT17BTT	155	7.00	2.79	Khá	
64	21099841	Lê Văn Gia	Huy	03/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTMT17BTT	155	7.90	3.27	Giỏi	
65	21096681	Trần Minh	Nhật	28/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTMT17BTT	155	7.80	3.23	Giỏi	
66	21118801	Lê Trọng	Quý	28/09/2003	Quảng Ngãi	Nam	DHDTMT17BTT	155	7.50	3.04	Khá	
67	21099271	Võ Thanh	Toàn	06/02/2003	Lâm Đồng	Nam	DHDTMT17BTT	155	7.20	2.84	Khá	
68	21123081	Nguyễn Hoài	Ân	16/03/2003	Vĩnh Long	Nam	DHDTMT17C	138	6.80	2.65	Khá	
69	21038681	Hoàng Mai Anh	Bảo	10/04/2003	Quảng Trị	Nam	DHDTMT17C	138	8.00	3.32	Giỏi	
70	21006841	Nguyễn Thới	Bình	28/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTMT17C	138	7.00	2.74	Khá	
71	21134881	Huỳnh Minh	Đăng	05/11/2003	Lâm Đồng	Nam	DHDTMT17C	138	6.50	2.43	Trung bình	
72	21121641	Trần	Đăng	09/11/2003	Tây Ninh	Nam	DHDTMT17C	138	7.60	3.14	Khá	
73	21109731	Hồ Hữu	Đạt	14/12/2003	Đồng Nai	Nam	DHDTMT17C	138	8.20	3.38	Giỏi	
74	21105731	Đình Gia	Huy	21/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTMT17C	138	7.60	3.10	Khá	
75	21131321	Nguyễn Quang	Huy	01/06/2003	Phú Thọ	Nam	DHDTMT17C	138	6.40	2.38	Trung bình	
76	21123891	Nguyễn Võ Hồng	Minh	19/08/2003	Nghệ An	Nam	DHDTMT17C	138	6.80	2.66	Khá	
77	21098311	Phạm Thanh	Nhiên	01/10/2003	Cà Mau	Nam	DHDTMT17C	138	7.20	2.85	Khá	

bnh

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCT K 10	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
78	21105211	Ngô Thành	Phát	31/10/2003	Gia Lai	Nam	DHDTMT17C	138	6.70	2.55	Khá	
79	21115081	Nguyễn Minh	Phúc	24/12/2003	Vĩnh Long	Nam	DHDTMT17C	138	7.70	3.14	Khá	
80	21133391	Nguyễn Hoàng	Thạch	16/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTMT17C	138	6.80	2.70	Khá	
81	21136461	Lê Công	Thành	06/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTMT17C	138	7.50	3.04	Khá	
82	21127321	Nguyễn Công	Bình	08/01/2003	Bắc Ninh	Nam	DHDTMT17CTT	155	7.50	3.00	Khá	
83	21134791	Nguyễn Minh	Chiến	30/04/2003	Hà Tĩnh	Nam	DHDTMT17CTT	155	8.00	3.28	Giỏi	
84	21133581	Nguyễn Ngọc Bửu	Hoàng	01/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTMT17CTT	155	6.60	2.47	Trung bình	
85	21122091	Trần Đức	Thịnh	21/10/2003	An Giang	Nam	DHDTMT17CTT	155	8.00	3.32	Giỏi	
86	21131631	Quách Thị Minh	Tuệ	11/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHDTMT17CTT	155	6.80	2.62	Khá	
87	18027041	Phạm Đức	Lương	10/03/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTTM14A	128	6.40	2.39	Trung bình	
88	18025921	Lê Anh	Minh	08/05/2000	Đồng Nai	Nam	DHDTTM14B	128	5.90	2.00	Trung bình	
89	20031121	Huỳnh Nguyễn Thanh	Hào	15/05/2002	Đồng Tháp	Nam	DHDTV16A	138	6.40	2.37	Trung bình	
90	20055301	Nguyễn Lâm	Hoàng	28/05/2002	Đồng Nai	Nam	DHDTV16A	138	6.30	2.28	Trung bình	
91	20045071	Huỳnh Minh	Hùng	28/10/2002	Thành phố Đà Nẵng	Nam	DHDTV16A	138	6.30	2.31	Trung bình	
92	20033101	Đặng Quốc	Hung	25/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTV16A	138	6.30	2.35	Trung bình	
93	20044601	Lê Nguyễn Đăng	Khoa	21/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTV16A	138	6.70	2.57	Khá	
94	20035721	Nguyễn Minh	Quân	28/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTV16A	138	6.60	2.51	Khá	
95	20035911	Nguyễn Đức Bảo	Quốc	20/05/2002	Đồng Nai	Nam	DHDTV16A	138	6.10	2.20	Trung bình	
96	20053291	Dương Hoàng	Tân	02/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTV16A	138	7.20	2.86	Khá	
97	20024201	Nguyễn Xuân Phú	Tân	26/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTV16A	138	7.00	2.71	Khá	
98	20044621	Trương Hồng	Thái	06/03/2002	An Giang	Nam	DHDTV16A	138	6.10	2.18	Trung bình	
99	20063121	Trần Trung	Tính	09/07/2002	Vĩnh Long	Nam	DHDTV16A	138	6.40	2.42	Trung bình	
100	20052651	Nguyễn Việt	Tuấn	10/07/2002	Đắk Lắk	Nam	DHDTV16A	138	6.40	2.34	Trung bình	
101	20124091	Phùng Sĩ	Thành	31/05/2002	Đồng Nai	Nam	DHDTV16ATT	155	7.10	2.80	Khá	
102	20081071	Bùi Tuấn	Anh	15/10/2002	Đắk Lắk	Nam	DHDTV16B	138	6.70	2.58	Khá	
103	20103211	Nguyễn Đăng	Chương	27/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTV16B	138	6.90	2.69	Khá	
104	20117031	Ngô Chánh	Huy	30/08/2002	Tây Ninh	Nam	DHDTV16B	138	6.40	2.39	Trung bình	
105	20102341	Châu Đỗ Tiến	Nhật	08/03/2002	Khánh Hòa	Nam	DHDTV16B	138	6.40	2.36	Trung bình	

bal

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCT K 10	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
106	20100641	Nguyễn Huy	Quốc	09/08/2002	Đắk Lắk	Nam	DHDTV16B	138	6.40	2.32	Trung bình	
107	20091021	Lê Hữu	Thái	17/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTV16B	138	6.50	2.46	Trung bình	
108	21019701	Lê Trọng	Cần	28/05/2002	Đồng Tháp	Nam	DHDTV17A	138	7.30	2.95	Khá	
109	21016891	Võ Thị	Hạnh	12/07/2003	Quảng Ngãi	Nữ	DHDTV17A	138	7.10	2.81	Khá	
110	21135721	Ngô Ngọc Huy	Hoàng	23/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTV17A	138	6.90	2.68	Khá	
111	21003541	Nguyễn Hoàng	Phúc	20/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTV17A	138	6.30	2.34	Trung bình	
112	21019641	Võ Hoàng Phúc	Thịnh	09/08/2003	Vĩnh Long	Nam	DHDTV17A	138	6.80	2.65	Khá	
113	21087451	Đặng Ngọc	Hoàng	20/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTV17ATT	155	6.90	2.69	Khá	
114	21009571	Lê Quang	Huy	04/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTV17ATT	155	6.60	2.44	Trung bình	
115	21070911	Lê Ngọc Thành	Liêm	19/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTV17ATT	155	6.60	2.53	Khá	
116	21111611	Nguyễn Minh	Tiến	02/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTV17ATT	155	6.40	2.36	Trung bình	
117	21084581	Trương Hứa Hải	Biên	18/03/2003	Quảng Trị	Nam	DHDTV17B	138	7.20	2.85	Khá	
118	21094921	Nguyễn Nam	Bộ	31/10/2003	Gia Lai	Nam	DHDTV17B	138	6.80	2.65	Khá	
119	21095191	Nguyễn Minh	Đạt	05/11/2003	Khánh Hòa	Nam	DHDTV17B	138	7.70	3.16	Khá	
120	21085161	Lê Bùi Tiến	Hung	22/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTV17B	138	6.70	2.55	Khá	
121	21089971	Phạm Tuấn	Kiệt	22/10/2003	Thành phố Hải Phòng	Nam	DHDTV17B	138	6.40	2.34	Trung bình	
122	21095631	Đoàn Ngọc	Lai	15/04/2003	Quảng Trị	Nam	DHDTV17B	138	7.70	3.12	Khá	
123	21069601	Phạm Hồng	Quý	08/08/2003	Hung Yên	Nam	DHDTV17B	138	8.00	3.30	Giỏi	
124	21085981	Trần Ngọc	Tới	28/02/2003	Lâm Đồng	Nam	DHDTV17B	138	7.10	2.78	Khá	
125	21092001	Nguyễn Ngọc	Trung	18/02/2003	Khánh Hòa	Nam	DHDTV17B	138	6.80	2.58	Khá	
126	21088221	Nguyễn Thanh	Vũ	15/08/2003	Khánh Hòa	Nam	DHDTV17B	138	7.10	2.82	Khá	
127	21132501	Nguyễn Huỳnh Cẩm	Tú	19/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHDTV17BTT	155	7.50	3.04	Khá	
128	21143311	Võ Hoàng Thái	Lâm	15/10/1998	Vĩnh Long	Nam	DHDTV17BVL	60	6.80	2.60	Khá	
129	21107931	Nguyễn Hữu	Quang	12/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTV17C	138	6.50	2.41	Trung bình	
130	21099331	Hoàng Phước	Quý	04/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHDTV17C	138	6.70	2.55	Khá	
131	21102961	Phạm Đỗ Đức	Tài	18/12/2003	Ninh Bình	Nam	DHDTV17C	138	6.80	2.64	Khá	
132	21109591	Ngô Trịnh Quốc	Thái	09/05/2003	An Giang	Nam	DHDTV17C	138	6.70	2.53	Khá	
133	21098171	Nguyễn Vũ Thanh	Toàn	18/02/2003	Thành phố Huế	Nam	DHDTV17C	138	7.10	2.76	Khá	

ph

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCT K 10	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
134	21110741	Trần Thế	Tuấn	18/04/2003	Đồng Nai	Nam	DHDTV17C	138	6.90	2.68	Khá	
135	21120341	Lê Đỗ Thanh	Bình	27/01/2003	Đồng Tháp	Nam	DHDTV17D	138	7.60	3.06	Khá	
136	21138041	Lê Thành	Hoài	20/11/2002	Khánh Hòa	Nam	DHDTV17D	138	7.30	2.92	Khá	
137	21125441	Nguyễn Hoàng	Khải	28/08/2003	Đồng Tháp	Nam	DHDTV17D	138	7.60	3.09	Khá	
138	21134471	Tạ Quang	Khải	02/12/2003	Đồng Tháp	Nam	DHDTV17D	138	6.90	2.65	Khá	
139	21117991	Phùng Quyền	Linh	29/06/2003	Ninh Bình	Nam	DHDTV17D	138	7.80	3.25	Giỏi	
140	21119181	Phạm Thị Thu	Thảo	23/06/2003	Đắk Lắk	Nữ	DHDTV17D	138	7.20	2.92	Khá	
141	20077891	Đặng Trung	Hiếu	12/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHIOT16A	138	7.00	2.73	Khá	
142	20123671	Đỗ Thanh	Trúc	17/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHIOT16A	138	7.60	3.07	Khá	
143	20007211	Ngô Thành	Đạt	01/04/2002	Tây Ninh	Nam	DHIOT16B	138	6.50	2.43	Trung bình	
144	20105031	Nguyễn Tuấn	Kiệt	14/11/2002	Ninh Bình	Nam	DHIOT16B	138	6.90	2.71	Khá	
145	20124751	Trần Ngọc	Ninh	25/06/2002	Khánh Hòa	Nam	DHIOT16B	138	8.00	3.35	Giỏi	
146	20124431	Nguyễn Tấn	Phát	30/10/2002	Gia Lai	Nam	DHIOT16B	138	7.70	3.15	Khá	
147	20124691	Nguyễn Tấn	Phong	16/01/2002	Đắk Lắk	Nam	DHIOT16B	138	7.80	3.22	Giỏi	
148	20123341	Nguyễn Châu Thanh	Thiện	19/01/2002	Đồng Tháp	Nam	DHIOT16B	138	6.70	2.52	Khá	
149	20124381	Đình Tiến	Thuần	01/03/2002	Đồng Nai	Nam	DHIOT16B	138	8.00	3.35	Giỏi	
150	20124761	Phan Anh	Tú	28/05/2002	Nghệ An	Nam	DHIOT16B	138	7.10	2.81	Khá	
151	21007341	Nguyễn Thế	Khang	24/08/2003	Tây Ninh	Nam	DHIOT17A	138	6.40	2.36	Trung bình	
152	21048941	Trần Khôi	Nguyên	24/06/2003	Đồng Nai	Nam	DHIOT17A	138	7.40	2.95	Khá	
153	21025431	Nguyễn Sơn	Phú	12/07/2003	Thành phố Cần Thơ	Nam	DHIOT17A	138	7.80	3.21	Giỏi	
154	21007261	Đoàn Mạnh	Tú	20/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHIOT17A	138	7.70	3.11	Khá	
155	21106511	Lại Vĩnh	Hào	15/10/2003	Khánh Hòa	Nam	DHIOT17B	138	7.70	3.12	Khá	
156	21101651	Nguyễn Văn	Hương	29/03/2003	Hà Tĩnh	Nam	DHIOT17B	138	7.40	3.00	Khá	
157	21097851	Phan Trúc	Lam	13/07/2003	Tây Ninh	Nữ	DHIOT17B	138	7.30	2.88	Khá	
158	21103521	Lại Lâm Quốc	Long	19/11/2003	Khánh Hòa	Nam	DHIOT17B	138	6.50	2.40	Trung bình	
159	21139141	Vũ Bạch	Long	03/03/2003	Thái Nguyên	Nam	DHIOT17B	138	6.90	2.69	Khá	
160	21090301	Ngô Nguyễn Hoàng	Phi	24/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHIOT17B	138	7.30	2.98	Khá	
161	21138751	Phùng Minh	Quân	30/07/2002	Đồng Nai	Nam	DHIOT17B	138	6.30	2.29	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCT K_10	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
162	21088811	Lê Chí	Thiện	21/12/2003	Đồng Nai	Nam	DHIOT17B	138	8.30	3.44	Giỏi	
163	21099911	Nguyễn Trung	Tính	08/08/2003	Vĩnh Long	Nam	DHIOT17B	138	6.70	2.56	Khá	
164	21127761	Võ Thị Lệ	Chi	17/08/2003	Gia Lai	Nữ	DHIOT17C	138	8.30	3.49	Giỏi	
165	21118091	Lê Trần Kim	Đình	17/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHIOT17C	138	7.60	3.11	Khá	
166	21129221	Đỗ Hữu	Duy	02/08/2003	Quảng Ngãi	Nam	DHIOT17C	138	7.50	3.11	Khá	
167	21115351	Nguyễn Lê Minh	Hải	25/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHIOT17C	138	7.00	2.75	Khá	
168	21126481	Nguyễn Thị Như	Huyền	04/11/2003	Quảng Ngãi	Nữ	DHIOT17C	138	7.90	3.27	Giỏi	
169	21113361	Huỳnh Tuấn	Kiệt	17/12/2003	Tây Ninh	Nam	DHIOT17C	138	6.90	2.69	Khá	
170	21114351	Lê Quang	Phát	03/11/2003	Quảng Ngãi	Nam	DHIOT17C	138	7.50	3.04	Khá	
171	21133271	Nguyễn Huy	Tài	31/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHIOT17C	138	7.70	3.17	Khá	
172	21131121	Vũ	Toàn	22/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHIOT17C	138	7.50	2.99	Khá	
173	17025441	Nguyễn Thành Duy	Khang	10/11/1998	Tây Ninh	Nam	DHVT13A	126	6.60	2.45	Trung bình	
174	18081111	Nguyễn Văn	Tín	20/02/2000	Quảng Ngãi	Nam	DHVT14A	128	6.10	2.14	Trung bình	

Tổng cộng:

174

TP.HCM, ngày 28 tháng 07 năm 2026

Ban Giám hiệu

(Họ tên và chữ ký)

Phòng Đào tạo

(Họ tên và chữ ký)

Trưởng khoa

(Họ tên và chữ ký)

Người lập biểu

(Họ tên và chữ ký)



PGS.TS. Phan Hồng Hải

PGS.TS. Phan Thị Huệ Chi

PGS.TS. Mai Thăng Long

Phạm Thị Kim Hoàng